

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KRÔNG PẮC  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 17 - 8 - 2021  
V/v: Không công nhận vợ chồng.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Huyền Trang.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Trịnh Thị Oanh, ông Ngô Văn Tuyền.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nông Thị Lương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thùy Nguyên - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2021 tại phòng xử án, Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 235/2021/TLST - HNGĐ, ngày 15 tháng 6 năm 2021 về việc “*Không công nhận quan hệ vợ chồng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1967.

Trú tại: Xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Trần Thị L, sinh năm 1968.

Trú tại: Xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xin xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng ông bà sau một thời gian quen biết, tìm hiểu và yêu thương nhau tự nguyện thì quyết định tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, vợ chồng ông bà chung sống với nhau từ năm 1993 nhưng không đăng ký kết hôn.

Sau khi về chung sống với nhau theo ông H vợ chồng ông bà thường xuyên phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chính là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng về quan điểm sống, không hiểu nhau nên vợ chồng ông bà thường xuyên cãi vã nhau, không tôn trọng nhau trong cuộc sống, vợ chồng không có tiếng nói chung và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Hiện nay, ông bà đã sống ly thân.

Nguyện vọng của ông Nguyễn Văn H là yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng với bà Trần Thị L theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Trong thời kỳ chung sống vợ chồng ông bà có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Kim T, sinh ngày 07/4/1994 và cháu Nguyễn Thành L, sinh ngày 24/02/2000. Hiện nay, các cháu đã đủ 18 tuổi nên ông Nguyễn Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Trần Thị L trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị L thừa nhận bà chung sống với ông Nguyễn Văn H như vợ chồng từ năm 1993 trên cơ sở tình yêu tự nguyện, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cãi vã nhau. Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn, ông H làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng giữa ông và bà Trần Thị L thì bà L đồng ý.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng ông bà có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Kim T, sinh ngày 07/4/1994 và cháu Nguyễn Thành L, sinh ngày 24/02/2000. Hiện nay, các cháu đã đủ 18 tuổi nên bà Trần Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc phát biểu quan điểm đối với việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14, 15

Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc Hội:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị L là vợ chồng.

Về con chung: Các đương sự không yêu cầu, nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên không đề cập giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn H, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xác định quan hệ pháp luật là “Không công nhận vợ chồng” được quy định tại khoản 1, 8 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền: Tại thời điểm ông Nguyễn Văn H làm đơn khởi kiện, bị đơn bà Trần Thị L cư trú tại xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc áp dụng điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Văn H, bị đơn bà Trần Thị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, để xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đảm bảo đúng quy định pháp luật.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H và bị đơn bà Trần Thị L đều thừa nhận đã chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993 đến nay không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống ông H và bà L phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến không thể tiếp tục chung sống với nhau, nên ông H làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận ông H và bà L là vợ chồng, là phù hợp với pháp luật được quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc Hội.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng ông bà có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Kim T, sinh ngày 07/4/1994 và cháu Nguyễn Thành L, sinh

ngày 24/02/2000. Hiện nay, các cháu đã đủ 18 tuổi nên các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Xét thấy, quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa là phù hợp, Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[3] Về án phí: Ông Nguyễn Văn H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1, khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 203, Điều 220, Điều 227, Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 14, Điều 15 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm b mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc Hội;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị L là vợ chồng.

Về con chung: Ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị L có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Kim T, sinh ngày 07/4/1994 và cháu Nguyễn Thành L, sinh ngày 24/02/2000. Hiện nay, các cháu đã đủ 18 tuổi các đương sự không yêu cầu, nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên không đề cập giải quyết.

Về án phí: Ông Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 60AA/2021/0006390 ngày 09/6/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H, bị đơn bà Trần Thị L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- THADS huyện K;
- Các đương sự;
- UBND xã E;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Phạm Thị Huyền Trang**